

2小小的船

kàn pīn yīn , xiě zì cí

1、看拼音,写字词。

xiǎo xiǎo	yuè ér	kàn jiàn	xīng xing

gěi xià liè shēng zì zhù yīn

2、给下列生字注音。

的	()	闪()	在()
船	()	头 ()	两()

xuăn zì tián kōng

- 3、 选 字 填 空。
- 门闪问
 - (1) 老师() 我叫什么名字。
 - (2) 天上的星星()()发亮。
 - (3) ()外的小河很清澈。





参考答案

1,

小小 月儿 看见 星星

2,

de shăn zài

chuán tóu liăng

3、

- (1) 问
- (2) 闪闪
- (3) 门

